| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRI TÔN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Nguyễn Thanh Tùng;

2. Nguyễn Thúy Phượng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tâm là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa***: Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn;

Địa chỉ: Số 92, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông Vương S, sinh năm 1969 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê L, sinh năm 1989 – Cán bộ tín dụng Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn, (Giấy ủy quyền ngày 27/02/2020); (có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Trịnh Th, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ 17, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Tr, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 17, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh An Giang; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện của nguyên đơn ông Lê L trình bày:*

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2016 Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 411/2016/HĐTC với ông Trịnh Th và bà Nguyễn Tr là người thừa kế. Theo hợp đồng ông Th có thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn tài sản gồm: Giấy CNQSDĐ số CB 030590, số vào sổ cấp GCN: CH04334, thửa số 14; thửa số 275. Tờ bản đồ số 30. Tổng diện tích 4925,0$m^2$ , đất chuyên trồng lúa nước. Tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh An Giang được UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/01/2016 cấp cho ông Trịnh Th đứng tên. Ngày 22 tháng 12 năm 2016 Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn ký hợp đồng tín dụng số 1899/2016/HĐTD với ông Trịnh Th và người thừa kế bà Nguyễn Tr. Theo hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có cho ông Th vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với các điều kiện thỏa thuận như sau: Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích dịch vụ cày xới. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 0,90%/tháng. Lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất cho vay trong hạn cùng loại. Kế hoạch trả nợ 22/12/2017. Trong quá trình giao dịch thì ông Th đã vi phạm hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Số tiền ông Th còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2020 là 74.330.000đ.(kèm theo bảng kê tính lãi tiền vay ngày 30/7/2020). Trong đó, vốn gốc: 50.000.000đ. Lãi trong hạn: từ ngày 22/12/2016 đến 30/01/2018= 6.060.000đ – lãi đã đóng 03 đợt: 2.250.000đ. Nên lãi trong hạn còn lại là 3.810.000đ. Lãi quá hạn: 30/01/2018 đến hết ngày 30/7/2020 là 20.520.000đ. Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết: Buộc ông Trịnh Th có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 30/7/2020 là 74.330.000đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 31/7/2020 cho đến khi ông Th trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 1899/2016 ngày 22/12/2016; yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 411/2016/HĐTC ngày 21/12/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tr: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án có tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông Th, bà Tr theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn. Tuy nhiên, hiện nay ông Th, bà Tr đã không còn ở địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn, buộc ông Trịnh Th có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 50.000.000đ và lãi suất theo quy định tính từ ngày 22/5/2017. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp QSDĐ số 411/2016/HĐTC ngày 21/12/2016 để đảm bảo thi hành án giữa Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn với ông Trịnh Th. Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn ông Trịnh Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tr có nơi cư trú tại: Tổ 17, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông Th, bà Tr theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn. Tuy nhiên, hiện nay ông Th, bà Tr đã không còn ở địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tr.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 1899/2016/HĐTD ngày 22/12/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 411/2016/HĐTC ngày 21/12/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn với ông Trịnh Th và người thừa kế bà Nguyễn Tr, có chữ ký xác nhận của các bên. Theo hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có cho ông Th vay số tiền 50.000.000đ với các điều kiện thỏa thuận: Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích dịch vụ cày xới. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 0,90%/tháng. Lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất cho vay trong hạn cùng loại. Kế hoạch trả nợ 22/12/2017. Khi thực hiện vay nợ ông Th có thế chấp giấy CNQSDĐ số CB 030590, số vào sổ cấp GCN: CH04334, thửa số 14; thửa số 275. Tờ bản đồ số 30. Tổng diện tích 4925,0$m^2$ ,đất chuyên trồng lúa nước tọa

lạc tại xã G, huyện T, tỉnh An Giang, được UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/01/2016 cấp cho ông Trịnh Th đứng tên. Quá trình vay ông Th đã đóng lãi 03 đợt: ngày 17/01/2017 đóng 450.000đ, ngày 13/4/2017 đóng 1.350.000đ và ngày 09/6/2017 đóng 450.000đ. Số tiền đã đóng là 2.250.000đ, sau đó ông Th ngưng không đóng lãi đã vi phạm hợp đồng làm phát sinh thêm khoản nợ quá hạn, nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn tạm tính đến hết ngày 30/7/2020 là 74.330.000đ. Trong đó, vốn gốc: 50.000.000đ. Lãi trong hạn: từ ngày 22/12/2016 đến 30/01/2018= 6.060.000đ – lãi đã đóng 03 đợt: 2.250.000đ. lãi trong hạn còn lại là 3.810.000đ. Lãi quá hạn: 30/01/2018 đến hết ngày 30/7/2020 là 20.520.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 290; Điều 471; khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Đối với số tiền lãi: Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ nguyên nhân xem như đã từ bỏ quyền, lợi ích từ việc cung cấp các chứng cứ thể hiện quá trình đóng lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn. Thể hiện việc ông Th đã đóng đến ngày 09/6/2017 thì ngưng đóng lãi nên đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 30/01/2018 là phù hợp căn cứ trên hợp đồng tín dụng số 1899/2016/HĐTD ngày 22/12/2016 thì kế hoạch trả nợ là ngày 22/12/2017. Ngoài ra mức lãi suất theo yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn thì Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 0,90%/tháng. Lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất cho vay trong hạn cùng loại. Nên hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp QSDĐ số 411/2016/HĐTC ngày 21/12/2016 để đảm bảo thi hành án giữa Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn với ông Trịnh Th.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tr: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bà Tr có trách nhiệm liên đới cùng ông Th trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.716.500đ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 290; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Buộc ông Trịnh Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền vốn 50.000.000đ, lãi tạm tính đến hết ngày 30/7/2020 là 24.330.000đ.

Trong trường hợp ông Trịnh Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số CB 030590, số vào sổ cấp GCN: CH04334, thửa số 14; thửa số 275. Tờ bản đồ số 30. Tổng diện tích 4925,0m$^2$ ,đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh An Giang, được UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/01/2016 cấp cho ông Trịnh Th đứng tên để thu hồi số nợ còn lại. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trịnh Th đối với Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn thì ông Trịnh Th vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn.

Kể từ ngày 31/7/2020 ông Trịnh Th tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1899/2016/HĐTD ngày 22/12/2016 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán đến ngày ông Trịnh Th thanh toán toàn bộ nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trịnh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.716.500đ.

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn được nhận lại số tiền 1.778.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000168 ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt ông Th, bà Tr, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- Viện KSND tỉnh AG;
- Viện KSND huyện TT;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Sơn Thị Thúy Liễu**